

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Lợi.

2. Bà Hoàng Thị Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Huệ - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H - SN 1979

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn K - SN 1974

Cùng ĐKKHKT: Thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa).

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh K không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:***

**- Về hôn nhân:** Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 05/01/1998.

Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K đi làm không đưa lương về cho chị nuôi con. Mặt khác anh K hay rượu, chè, cờ bạc. Chị khuyên giải nhiều lần nhưng anh K không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng thắt từ đầu năm 2018, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến

nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

*Về con cái:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H - Sinh năm 1998, cháu Nguyễn Tuấn D - Sinh ngày 08/5/2003. Hiện nay cháu H đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu D chưa đến tuổi thành niên. Nếu được ly hôn, nguyện vọng của chị H xin nuôi con, không yêu cầu anh K phải đóng góp tiền nuôi con chung với chị.

*Về tài sản và công nợ:* Không yêu cầu giải quyết.

*Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn K:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập lên làm bản tự khai, thông báo kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, nhưng anh K vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

*Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Tuấn D trình bày:* Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, nếu bố mẹ ly hôn cháu sẽ bỏ học đi làm tự lo.

*Thu thập chứng cứ tại gia đình:* Theo ông K (bố anh K) trình bày: anh K và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng xô sát nhau vì ghen tuông, chị H đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian sau đó lại quay về chung sống với nhau. Cuối năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng vì kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nay chị H xin ly hôn anh K, việc mâu thuẫn giữa vợ chồng để vợ chồng tự giải quyết, gia đình không có ý kiến gì. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con cái: anh K và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H - Sinh năm 1998, cháu Nguyễn Tuấn D - Sinh ngày 08/5/2003, hiện nay cháu H đã thành niên; Nếu anh K và chị H ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản và công nợ của anh K, chị H ông không biết; đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Thu thập chứng cứ tại địa phương:* Theo báo cáo của trưởng thôn L: Anh K và chị H sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại thôn 9, xã Q, huyện Q (nay là thôn L, xã Q, huyện Q). Quá trình vợ chồng chung sống với nhau có mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì anh, chị không báo cáo. Nay chị H xin ly hôn anh K, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con cái: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H - Sinh năm 1998, cháu Nguyễn Tuấn D - Sinh ngày 08/5/2003. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H, đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. Về tài sản và công nợ: Địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh K. Anh K đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là không tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ khoản

1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Chị H xin ly hôn anh K tại Tòa án. Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị H và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q ngày 05/01/1998 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K không đưa lương về cho chị H nuôi con. Mặt khác, anh K hay rượu, chè, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau. Đầu năm 2018, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh K nhiều lần để lên làm bản tự khai và hòa giải, nhưng anh K đều vắng mặt; Chứng tỏ rằng anh K không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ và chồng. Xét thấy tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng và đã không chung sống với nhau một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị H.

[3] *Về con cái*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H - Sinh năm 1998, cháu Nguyễn Tuấn D - Sinh ngày 08/5/2003. Hiện nay cháu H đã thành niên không yêu cầu giải quyết; Đối với cháu D chưa đến tuổi thành niên. Nếu được ly hôn, nguyện vọng của chị H xin nuôi con, không yêu cầu anh K phải đóng góp tiền nuôi con chung với chị. Xét thấy cháu D chưa đến tuổi thành niên, chị H có nguyện vọng nuôi con là hoàn toàn chính đáng. Mặt khác hiện nay cháu D đang ở với chị H. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Tuy nhiên chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đây là hoàn tự nguyện của chị H nên chấp nhận; Vì vậy anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị H là phù hợp.

[4] *Về tài sản và công nợ*: Anh, chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2916/UBTVQH14.

### **Xử:**

1. *Về hôn nhân*: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H - SN 1998, cháu Nguyễn Tuấn D - Sinh ngày 08/5/2003.

Hiện nay cháu H đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Giao cháu Nguyễn Tuấn D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị H.

Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 1445 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm,

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận**

- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Trường, H.Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Lý**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thúy    Lê Văn Lợi**

**Mai Thị Lý**



